TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 16-01-2018
V/v: "Tranh chấp tiền hụi, tiền vay có kỳ hạn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Luyến.

2. Ông Đặng Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Đô - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp tiền hụi, tiền vay có kỳ hạn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thanh H, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Phạm Ngọc C (Phạm C), sinh năm 1963, ông Từ Văn T, sinh năm 1963 (bà C, ông T có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Bà Cao Thanh H trình bày:*

Bà H yêu cầu vợ chồng bà C (C), ông T thanh toán tiền hụi chết và tiền mượn tổng số là 40.200.000 đồng. Trong đó, tiền mượn là 5.050.000 đồng; tiền hụi chết là 35.150.000 đồng. Hụi do bà H làm chủ, bà C tham gia hụi tháng 08 chưng trong 02 dây và 05 chưng hụi ngày, cụ thể:

Hụi tháng:

1/ Dây thứ nhất: Hụi khui ngày 26/5/2016, mãn tháng 11/2016 âm lịch, hụi có 40 chưng, hụi 200.000 đồng, mỗi tháng khui 06 lần; bà C tham gia 03 chưng hốt hết 03 chưng. Thiếu 06 kỳ hụi chết x 200.000đ/kỳ x 3 chưng = 3.600.000 đồng.

2/ Dây thứ hai: Hụi khui ngày 16/9/2016 âm lịch, đã mãn, hụi có 40 chưng, hụi 200.000 đồng, mỗi tháng khui 06 lần; bà C tham gia 05 chưng và hốt hết. Bà C thiếu hụi chết 26 kỳ x 200.000 đồng/kỳ x 5 chưng = 26.000.000 đồng.

Hụi ngày: Có 50 chưng, hụi 30.000 đồng/chưng. Bà C tham gia 05 chưng, hốt hết 05 chưng nhưng không đóng hụi chết, còn thiếu lại 37 lần x 05 chưng x 30.000 đồng/chưng = 5.550.000 đồng.

Lý do bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà C thanh toán nợ: Bà C hốt hụi để kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, đối với khoản tiền mượn vào thời gian giáp tết âm lịch năm 2016 do không đủ tiền trả tiền toa vật liệu xây dựng nên bà C mượn của bà H 5.000.000 đồng hứa qua tết trả nhưng không thực hiện lời hứa.

Như vậy, bà H yêu cầu thanh toán tổng số tiền 40.200.000 đồng (tiền hụi 35.150.000 đồng + tiền mượn 5.000.000 đồng, tổng số tiền 40.150.000 đồng, bà C yêu cầu bà H đưa thêm 50.000 đồng cho chẵn tiền, nên số tiền thiếu là 40.200.000 đồng. Ngày 06/4/2017 dương lịch bà C có viết giấy nhận nợ và hứa sẽ trả dần cho đến cuối năm 2017 hết nợ, nhưng bà C cố tình lánh mặt không trả nợ. Nay bà H yêu cầu thanh toán 40.200.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

** Đối với bà Phạm Ngọc C (C):* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét lần thứ nhất nhưng bà C không có văn bản trả lời và vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất không lý do. Tại phiên tòa ngày 16/01/2018, bà C có mặt và thừa nhận có thiếu nợ bà H tổng số tiền 40.200.000 đồng, trong đó 5.050.000 đồng tiền vay vốn, số còn lại 35.150.000 đồng là tiền hụi chết, bà C đồng ý thanh toán tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Ông Từ Văn T trình bày:*

Việc bà C giao dịch với bà H cụ thể như thế nào ông không biết, đến khi bà H đến nhà để tính toán nợ với bà C thì ông T mới biết. Ông T xác nhận chữ ký tên ở biên nhận nợ do bà H cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký tên của bà C (C). Nếu bà H đồng ý thì ông T nhận trách nhiệm trả nợ mỗi tháng 500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T đồng ý cùng với bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát kết luận: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; buộc vợ chồng bà C, ông T thanh toán cho bà H số tiền 40.200.000 đồng.

Bà H yêu cầu vợ chồng bà C, ông T thanh toán số tiền 40.200.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bà C, ông T trình bày: Thừa nhận thiếu bà H số tiền 40.200.000 đồng và đồng ý thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Ngọc C (C) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, bà C vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành hòa giải vắng mặt bà C. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt.

[2]. Về nội dung

2.1. Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hụi và tiền vay có kỳ hạn không lãi, nên quan hệ pháp luật "Tranh chấp tiền hụi; tiền vay có kỳ hạn" quy định tại Điều 470 và 471 của Bộ luật dân sự.

2.2. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Xác định số tiền tranh chấp: Bà H yêu cầu thanh toán tổng số tiền 40.200.000 đồng. Qua yêu cầu của bà H có đủ cơ sở xác định số tiền bà C thiếu bà H là 40.200.000 đồng, với những căn cứ:

Tại "biên nhận nợ" lập ngày 06/4/2017, người làm biên nhận là Phạm C, có nội dung: *Tôi tên Phạm C có thiếu chị Cao Thanh H số tiền 40.200.000 đồng. Tôi hứa từ đây đến* cuối năm tôi bán nhà sẽ trả đủ cho chị H. Tôi làm biên nhận để làm bằng.

Ông T xác nhận chữ ký tên trong giấy biên nhận là của bà C (C) vợ ông T. Tại phiên tòa, bà C và ông T đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền 40.200.000 đồng.

Nghĩa vụ thanh toán nợ: Tại biên nhận nợ bà C hứa bán nhà trả nợ cho bà H; tại biên bản hòa giải ông T trình bày việc mua bán vật liệu xây dựng của gia đình do vợ chồng cùng kinh doanh, ông T cũng đồng ý trả nợ mỗi tháng 500.000 đồng nếu như bà H đồng ý. Nhận thấy, bà C tham gia hụi, mượn tiền của bà H diễn ra trong thời gian dài, việc bà C hốt hụi, mượn tiền không phải để sử dụng cho mục đích cá nhân riêng của bà C, mà giao dịch này diễn ra trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà C, ông T. Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"* thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản. Bà C, ông T đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ được chấp nhận.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp được thể hiện: Vợ chồng bà C, ông T đồng ý cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 40.200.000 đồng cho bà H. Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vợ chồng bà C, ông T phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Được chấp nhận toàn bộ.

Đối với vợ chồng bà C, ông T yêu cầu trả cho bà H mỗi tháng 500.000 đồng, bà H không đồng ý. Xét thấy, phương thức thanh toán nợ không thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử mà do Chi cục thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% vợ chồng bà C, ông T có trách nhiệm liên đới chịu. Bà H được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 470 và 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về thanh toán nợ.

Vợ chồng bà Phạm Ngọc C (Phạm C), ông Từ Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Cao Thanh H tổng số tiền vốn là 40.200.000 đồng (trong đó tiền hụi là 35.150.000 đồng và tiền vay 5.050.000 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp vợ chồng bà C, ông T chậm thanh toán, thì vợ chồng bà C, ông T phải có trách nhiệm liên đới chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[2]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% = 2.010.000 đồng, vợ chồng bà C (C), ông T có trách nhiệm liên đới phải chịu.

Bà H đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015614 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[3]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; Lưu VP.